

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 11 - 6 - 2021  
V/v: Không công nhận là vợ chồng  
và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đại Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Đình Trung  
2. Ông Lê Phúc Tiếng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:** Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021, về việc “Không công nhận là vợ chồng và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị Diệu H, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Về kinh tế không có sự thống nhất nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, kéo dài vợ chồng sống ly thân từ

năm 2010 cho đến nay. Nay ông Nguyễn Quốc T xác định không còn tình cảm với bà Phạm Thị Diệu H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H có 03 con chung: Nguyễn Phạm Bích N, sinh ngày 24/01/1999; Nguyễn Phạm Quốc B1, sinh ngày 13/4/2001 và Nguyễn Phạm Quốc H1, sinh ngày 06/8/2009.

Khi ly hôn ông Nguyễn Quốc T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Phạm Quốc H1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với các cháu Nguyễn Phạm Bích N và Nguyễn Phạm Quốc B1 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình xét xử bị đơn bà Phạm Thị Diệu H trình bày:

Bà Phạm Thị Diệu H và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Về kinh tế không có sự thống nhất nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, kéo dài vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay bà Phạm Thị Diệu H xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Quốc T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H có 03 con chung: Nguyễn Phạm Bích N, sinh ngày 24/01/1999; Nguyễn Phạm Quốc B1, sinh ngày 13/4/2001 và Nguyễn Phạm Quốc H1, sinh ngày 06/8/2009.

Khi ly hôn bà Phạm Thị Diệu H có nguyện vọng đồng ý để cho ông Nguyễn Quốc T nuôi cháu Nguyễn Phạm Quốc H1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với các cháu Nguyễn Phạm Bích N và Nguyễn Phạm Quốc B1 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; các Điều 97; 98; 170; 171; 175; 177; 203; 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H.

Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Quốc H1, sinh ngày 06/8/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với các cháu Nguyễn Phạm Bích N, sinh ngày 24/01/1999; Nguyễn Phạm Quốc B1, sinh ngày 13/4/2001 đều đã trưởng thành không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Quốc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà Phạm Thị Diệu H là vợ chồng và nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp “Không công nhận là vợ chồng và nuôi con”. Bị đơn bà Phạm Thị Diệu H có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự tham gia tố tụng, đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3 năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó ông Nguyễn Quốc T đề nghị Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H không phải là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H có 03 con chung: Nguyễn Phạm Bích N, sinh ngày 24/01/1999; Nguyễn Phạm Quốc B1, sinh ngày 13/4/2001 và Nguyễn Phạm Quốc H1, sinh ngày 06/8/2009.

Khi ly hôn nguyện vọng của ông Nguyễn Quốc T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Quốc H1. Phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Phạm Quốc H1, bà Phạm Thị Diệu H. Xét thấy nguyện vọng của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Giao cho ông Nguyễn Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Quốc H1 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự giải quyết không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các cháu Nguyễn Phạm Bích N và Nguyễn Phạm Quốc B1 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quốc T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H.

2. *Về con chung:* Giao cho ông Nguyễn Quốc T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Quốc H1, sinh ngày 06/8/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H không yêu cầu nên không giải quyết.

Đối với các cháu Nguyễn Phạm Bích N, sinh ngày 24/01/1999; Nguyễn Phạm Quốc B1, sinh ngày 13/4/2001 đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị Diệu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Quốc T và bà Phạm Thị Diệu H không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí:* Ông Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà ông Nguyễn Quốc T đã nộp (Bà Nguyễn Thị Cẩm T2 nộp thay) theo biên lai số 60AA/2021/0003829 ngày 09/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trần Đại Minh**